

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 26 - 12 - 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Long Châu

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Phạm Thị Xuân Đào

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Hồng Uyên- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại Hội trường 5 - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 93/2023/HNGĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 316/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn T1**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố H, phường P, thành phố B tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị T2**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Chị Vũ Thị T2.

Người kháng Nghị: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

(Anh T1, chị T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023, bản tự khai anh Đặng Văn T1 trình bày:

Anh và chị Vũ Thị T2 tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh

Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung.

Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay anh không còn tình cảm với chị T2 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T2.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Anh T3, sinh ngày 24/6/2007 và cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012.

Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Thu T4, giao cháu Đặng Anh T3 cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai và tại phiên tòa chị Vũ Thị T2 trình bày:

Năm 2006 chị và anh T1 kết hôn với nhau, thời gian 01 năm ở trọ cùng nhau xây dựng gia đình và có 01 con trai tên Đặng Anh T3. Trong thời gian chung sống vất vả, cực khổ chị vẫn cam chịu sống chung cho đến khi cháu T3 được 04 tuổi thì anh T1 bắt đầu có thái độ, lời nói và đi ngoại tình với người phụ nữ khác.

Trong thời gian này, chị phát hiện ra mình đã mang thai con chung thứ hai và chị vẫn âm thầm nhịn nhục, trong cuộc sống chị đã không tìm được tiếng nói chung giữa hai vợ chồng. Tuy nhiên, nay anh T1 đề nghị ly hôn thì chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T1.

Về con chung: Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Anh T3, sinh ngày 24/6/2007 và cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa chị T2 đề nghị Hội đồng xét xử lấy lại lời khai của cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012. Trường hợp, không lấy lại lời khai của cháu T4 và Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung thì đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T4 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 316/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, khoản 1 Điều 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn T1 đối với bị đơn chị Vũ Thị T2 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T1 được ly hôn với chị Vũ Thị T2.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012 cho anh Đặng Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Đặng Anh T3, sinh ngày 24/6/2007 cho chị Vũ Thị T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T1 và chị T2 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T1, chị T2 thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2023, chị Vũ Thị T2 có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 13/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa có quyết định kháng nghị số 1906/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 13/9/2023 đối với một phần bản án số 316/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa theo hướng sửa một phần bản án về việc giao cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012 cho anh Đặng Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa tiến hành theo quy định của pháp luật.

Về đề xuất giải quyết vụ án: Kháng cáo của chị Vũ Thị T2 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận.

Anh Đặng Văn T1 và chị Vũ Thị T2 kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn, hôn nhân hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, anh T1 có đơn ly hôn chị T2 đồng ý, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho ly hôn là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Anh T1 và chị T2 có hai con chung là cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012 và cháu Đặng Anh T3, sinh ngày 24/6/2007. Anh T1 và chị T2 đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Theo bản tự khai ngày 31/7/2023 cháu T4 có nguyện vọng sống với cha, cháu T3 có nguyện vọng sống với mẹ. Chị T2 cho rằng anh T1 không chăm sóc tốt cháu T4, nên cháu đã về sống cùng với chị, cấp sơ thẩm không xác minh và lấy lời khai của cháu T4 để xem nguyện vọng của cháu.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2023 anh T1 cũng đã đồng ý giao cả hai con chung là cháu T4 và cháu T3 cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do điều kiện kinh tế khó khăn.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị T2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa sửa một phần bản án sơ thẩm số 316/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa về việc giao con chung là cháu Đặng Thị Thu T4 sinh ngày 14/02/2012 cho chị Vũ Thị T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T2 kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa kháng nghị trong hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 05/11/2023 chị Vũ Thị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, ngày 23/11/2023 Đặng Văn T1 cũng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật và tư cách đương sự đúng quy định.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T1 và chị Vũ Thị T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2006, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Án sơ thẩm cho anh Đặng Văn T1 và chị Vũ Thị T2 ly hôn, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị, nên không xem xét.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh T1 và chị T2 có 02 con chung là cháu Đặng Anh T3, sinh ngày 24/6/2007 và cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012. Cấp sơ thẩm giao anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Thu T4, chị T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Anh T3, tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử, chị T2 có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T4, cháu là nữ cần sự chăm sóc của người mẹ, trong khi anh T1 là tài xế lái xe, giờ giấc lại không ổn định. Hiện chị có chỗ ở ổn định, thu nhập từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng đủ khả năng nuôi con ăn học và nguyện vọng của hai cháu là sống cùng với chị.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị T2 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T4, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và ý kiến của anh T1 đồng ý để chị T2 nuôi dưỡng hai con chung, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con do khó khăn là có cơ sở. Nên sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của chị T2, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về tài sản chung, nợ chung: Cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T2 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị T2, kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 316/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, khoản 1 Điều 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn T1 đối với bị đơn chị Vũ Thị T2 về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T1 được ly hôn với chị Vũ Thị T2.

- Về con chung: Chị Vũ Thị T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cháu Đặng Thị Thu T4, sinh ngày 14/02/2012 và cháu Đặng Anh T3, sinh ngày 24/6/2007. Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Văn T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Đặng Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) anh T1 đã nộp theo biên lai thu số 0006667 ngày 06/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào án phí anh T1 phải chịu. Anh T1 đã nộp đủ án phí.

Chị Vũ Thị T2 không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm chị T2 nộp tại biên lai số 0008873 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được hoàn trả lại cho chị T2.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. Biên Hòa;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Long Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào – Nguyễn Thị Lệ Trang

Nguyễn Long Châu